

ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SƯ PHẠM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Đinh Văn Tiên*

Tóm tắt

Đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo hướng phát triển năng lực sư phạm là hoạt động cơ bản trong quy trình đào tạo giáo viên, có vị trí, vai trò và ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành phẩm chất và năng lực chuyên môn của người giáo viên tương lai.

Theo xu hướng tiếp cận đào tạo theo năng lực, hoạt động rèn luyện nâng cao năng lực dạy học và giáo dục, nhất thiết cần phải đề cao đào tạo nghiệp vụ sư phạm, giúp sinh viên sư phạm hình thành năng lực dạy học, năng lực giáo dục và năng lực phát triển nghề nghiệp. Tổ chức tốt hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm các cơ sở đào tạo giáo viên mới thực hiện được nhiệm vụ dạy nghề cho sinh viên sư phạm.

Từ khóa: *Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm, phát triển năng lực sư phạm.*

1. Mở đầu

Định hướng phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong bối cảnh hiện nay, đã đặt ngành giáo dục (GD) nói chung và GD đại học nói riêng (đặc biệt là các cơ sở đào tạo giáo viên) trước những cơ hội và thách thức mới.

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam; chức năng của người giáo viên (GV) rộng hơn, yêu cầu cao về các năng lực phát triển nghề nghiệp (trong đó năng lực tổ chức dạy học, giáo dục, năng lực phát triển chương trình là cơ bản).

Đào tạo chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm (NVSP) là hai nhiệm vụ chính của các cơ sở đào tạo GV, trong

đó đào tạo NVSP được coi là bộ phận quan trọng quyết định chất lượng trong quy trình đào tạo GV. Đổi mới toàn diện và sâu sắc/cấp bách GD phổ thông hiện nay đang đặt ra những yêu cầu cấp thiết đối với công tác đào tạo NVSP cho sinh viên sư phạm (SVSP). Cần thống nhất quan điểm “*thầy giáo phải được đào tạo để trở thành những nhà giáo dục nhiều hơn là những chuyên gia truyền đạt kiến thức*”.

Do vậy, muốn tạo sự bền vững và tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo GV tất yếu phải đặc biệt quan tâm và chú trọng đến hiệu quả, chất lượng trong công tác đào tạo NVSP. Phải đổi mới phương cách đào tạo, phát triển chuẩn ***đào tạo NVSP theo hướng phát triển năng lực sư phạm*** để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong quy trình đào tạo GV.

* CN, Trường Đại học Phú Yên

2. Quan điểm đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo định hướng phát triển năng lực sư phạm

2.1. Những quan điểm chỉ đạo đổi mới ngành sư phạm Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

Chiến lược Phát triển Giáo dục 2011-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 ở nội dung Các giải pháp phát triển giáo dục đã xác định: “*Củng cố, hoàn thiện hệ thống đào tạo giáo viên, đổi mới căn bản và toàn diện nội dung và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nhằm hình thành đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ sức thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015. Tập trung đầu tư xây dựng các trường sư phạm và các khoa sư phạm tại các trường đại học để nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên*” [4]

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; khi nói về tình hình và nguyên nhân đã nêu: “*Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Hệ thống giáo dục và đào tạo thiếu liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành. Đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học...*”. Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết cũng đã xác định: “*Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và*

phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.” [5]

Mục tiêu của Chương trình phát triển ngành sư phạm và các trường sư phạm từ năm 2011 đến năm 2020 đã xác định: “*Phát triển ngành sư phạm Việt Nam tiên tiến, hiện đại, đủ năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển đội ngũ giáo viên,.... Xây dựng các trường đại học sư phạm trở thành các trung tâm sáng tạo, đổi mới căn bản và toàn diện của ngành sư phạm cả nước. Tăng cường sự gắn kết giữa hệ thống các trường, khoa sư phạm với hệ thống giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và các cấp quản lý giáo dục để bảo đảm sự đồng bộ trong việc xây dựng và triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới và chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015*” [1]

Dự thảo Quy chế Đào tạo nghiệp vụ sư phạm trong hoạt động đào tạo giáo viên phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xác định yêu cầu năng lực sư phạm của GV như sau: “*Yêu cầu về năng lực dạy học; Yêu cầu về năng lực giáo dục; Năng lực phát triển nghề nghiệp*”. Đồng thời Quy chế đã quy định tổ chức đào tạo và rèn luyện NVSP: “*Chương trình đào tạo; Tổ chức rèn luyện NVSP tại cơ sở đào tạo GV; Tổ chức rèn luyện NVSP tại trường phổ thông; Đánh giá kết quả đào tạo và rèn luyện NVSP*”. Trong công tác tổ chức thực hiện: “*Trách nhiệm của cơ sở đào tạo GV; Trách nhiệm của trường THPT, trường TTSP; Trách nhiệm của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT...*” [2]

Mặt khác, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã công bố Dự thảo về Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường thực hành sư phạm [3]

Trước những định hướng, quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam, GD đại học nói chung và công tác đào tạo GV trong giai đoạn hiện nay nói riêng; các cơ sở đào tạo GV cần phải có chiến lược đổi mới mạnh mẽ *“Đổi mới chương trình nhằm phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; dạy người, dạy chữ và dạy nghề. Đổi mới nội dung GD theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và ngành nghề; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn”* nhằm đáp ứng theo quan điểm *“Xây dựng và chuẩn hóa nội dung giáo dục phổ thông theo hướng hiện đại, tinh gọn, bảo đảm chất lượng, tích hợp cao ở các lớp học dưới và phân hóa dần ở các lớp học trên; giảm số môn học bắt buộc; tăng môn học, chủ đề và hoạt động giáo dục tự chọn”* [4]

2.2. Đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo hướng phát triển năng lực sư phạm

Theo Từ điển Giáo dục học (Bùi Hiền (2001), Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội) *“Năng lực được coi như khả năng của con người khi đối mặt với những vấn đề mới và những tình huống mới...; Năng lực nghề nghiệp, khả năng thực hiện có hiệu quả một nghề, một chức năng hoặc một số nhiệm vụ chuyên biệt với sự thành thạo cần thiết...”*

“Trình độ NVSP, tổng số vốn kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm thu nhận được trong quá trình học tập và trong quá trình hoạt động GD của mỗi người và được thể hiện bằng kết quả dạy học và rèn luyện phẩm chất đạo đức cho học sinh (HS) qua từng giai đoạn. Để có được trình độ NVSP nhất định SV phải được trang bị kiến thức về tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn và phải được đi kiến tập và thực tập giảng dạy và làm công tác chủ nhiệm theo đúng yêu cầu của chương trình đào tạo GV. Khi đã trở thành GV vẫn cần quan tâm trau dồi NVSP ngày càng được nâng cao và đáp ứng tốt hơn yêu cầu GD trong từng giai đoạn... NVSP xây dựng nhân cách cho HS là một nghệ thuật tổng hợp đòi hỏi nhà giáo phải sáng tạo suốt đời...”

Theo quan điểm của GS. Phạm Minh Hạc *“Năng lực sư phạm là tổ hợp những đặc điểm tâm lý của nhân cách nhằm đáp ứng các yêu cầu của hoạt động sư phạm và quyết định sự thành công của hoạt động ấy”*. Như vậy, năng lực sư phạm là một năng lực chuyên biệt đặc trưng của nghề dạy học nói chung.

Qua nghiên cứu và tham khảo tài liệu của các nhà nghiên cứu lý luận khoa học GD, chúng ta thấy rằng: Hoạt động sư phạm của GV, với tư cách là nhà GD thì các kỹ năng tương ứng với dạng hoạt động dạy học và giáo dục là cơ bản. Chẳng hạn như: năng lực dạy học; năng lực thực hiện được thể hiện trong quá trình thực hành giảng dạy và giáo dục (năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực sử dụng thiết bị dạy học, năng

lực hoạt động xã hội trong và ngoài trường, năng lực đánh giá, năng lực tập hợp, năng lực phối hợp tổ chức các hoạt động GD...). Trong xã hội hiện đại cần bổ sung những năng lực mới như: năng lực quan hệ cộng đồng, năng lực quản lý, năng lực hoạt động với tư cách là một chuyên gia GD, năng lực phát triển môi trường xung quanh...

Như vậy, trong công tác đào tạo GV, cần chú trọng lĩnh vực năng lực hoạt động và định hướng trách nhiệm. Cần thống nhất quan điểm chung theo xu hướng đổi mới là: đặc biệt quan tâm đến sự thay đổi có tính chất bản chất trong phương án đào tạo GV *“Thay đổi việc đào tạo GV dạy 1 môn sang đào tạo GV dạy những môn tích hợp; Thay đổi việc đào tạo trang bị kiến thức sang trọng tâm đào tạo năng lực sư phạm; Thay đổi phương pháp dạy sang đào tạo cách dạy phương pháp học”* (theo PGS.TS Phạm Hồng Quang, Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên)

3. Nhận định, đánh giá thực tiễn công tác đào tạo NVSP của sinh viên sư phạm trong quy trình đào tạo giáo viên

Trong những năm qua, việc đào tạo NVSP cho SVSP đã được các cơ sở đào tạo GV quan tâm nhiều hơn trước đây, trường Đại học Phú Yên cũng rất chú trọng lĩnh vực này. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo NVSP vẫn còn nhiều vấn đề cần phải xem xét như: thời lượng dành cho hoạt động đào tạo NVSP trong chương trình đào tạo GV, nội dung chương trình, sự cân đối giữa lý thuyết/thực hành, phương thức tổ chức, quy định chuẩn đánh giá kết quả đào tạo và rèn luyện NVSP...

Qua thực tế, chúng tôi có thể nêu một số nhận định khái lược thực trạng về công tác đào tạo NVSP của Trường Đại học Phú Yên như sau:

- Khối lượng tín chỉ dành cho khối kiến thức NVSP chưa được 20% của các chương trình đào tạo GV (tính cả số tín chỉ SVSP đi TTSP 1 và TTSP 2);

- Nội dung giữa các học phần NVSP còn trùng lặp, nặng về lý thuyết, thực hành sư phạm ở trường phổ thông, mầm non chưa hợp lý, chưa phù hợp với từng thời điểm... (chưa đạt được tỷ lệ 50% thời lượng thực hành sư phạm ở cơ sở);

- Số tín chỉ rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (RLNVSPTX) giữa các ngành đào tạo GV chưa hợp lý, chưa thể hiện tính đặc thù của chuyên ngành, chưa đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ (quy định chung chương trình cho tất cả các ngành đào tạo GV là: 03 tín chỉ đối với trình độ đại học, 02 tín chỉ đối với trình độ cao đẳng); Đồng thời, nhà trường phân công Khoa Tâm lý GD thiết kế các nội dung chung và các khoa chuyên môn tự thiết kế nội dung các học phần NVSP và kế hoạch rèn luyện NVSPTX; điều đó dẫn đến nhiều bất cập trong công tác tổ chức, điều hành và đánh giá kết quả NVSP của SV một cách toàn diện.

- Quy trình tổ chức RLNVSPTX chưa được chặt chẽ, thường xuyên. Sự phối hợp giữa các đơn vị/khoa đào tạo hợp tác chưa đồng bộ/chặt chẽ trong công tác quản lý, kiểm tra, đánh giá và tổ chức rút kinh nghiệm... (chủ yếu theo từng đợt riêng lẻ);

- Sự phối hợp giữa nhà trường với các lực lượng GD (bên ngoài cơ sở đào tạo) để tổ chức, triển khai thực hành sư phạm vẫn chưa có những quy định cam kết trách nhiệm cụ thể với các trường phổ thông, mầm non mà SVSP trong quá trình đào tạo NVSP...

Có thể khái quát: NVSP gồm các mảng kiến thức về Tâm lý, Giáo dục, Lý luận dạy học, Phương pháp dạy học và tương ứng là rèn luyện NVSP và thực tập sư phạm (TTSP).

Tuy nhiên trong khuôn khổ của bài báo, chúng tôi nhấn mạnh đến hiện trạng công tác tổ chức rèn luyện NVSP và TTSP hiện nay của Trường Đại học Phú Yên.

3.1. Công tác đào tạo, tổ chức rèn luyện NVSP

Trước hết, chúng ta nên có quan điểm thống nhất chung là: đào tạo NVSP bao gồm những nội dung gì? Để có được NVSP thì SVSP cần phải rèn luyện để đạt được những chuẩn nào về kiến thức và kỹ năng? Con đường để hình thành phát triển các kỹ năng NVSP đó bằng phương thức nào?

Nhìn chung, trong quy trình tổ chức đào tạo NVSP nhà trường chưa có sự thống nhất/đồng bộ trong việc thiết kế, xây dựng một cách khoa học, thích hợp giữa: Chương trình đào tạo, quy trình tổ chức rèn luyện NVSP tại cơ sở đào tạo GV và môi trường phổ thông; trong công tác quản lý đôi lúc chưa chặt chẽ, thiếu khách quan trong cách đánh giá kết quả đào tạo và rèn luyện NVSP;

Trong thực tế, nhiều SV chỉ tập trung rèn luyện các kỹ năng dạy học,

chưa chú trọng đến rèn luyện kỹ năng giáo dục và các kỹ năng tổ chức các hoạt động sư phạm khác. Mặt khác, SVSP ít chú ý đến rèn luyện kỹ năng trong tổ chức dạy - học như: sử dụng các thiết bị dạy học, tư thế tác phong của người GV, kỹ năng giao tiếp, khả năng diễn đạt... Như vậy, nhà trường cần chú ý rèn luyện NVSP cho SV một cách toàn diện hơn. Đặc biệt chú trọng đến các yêu cầu như: *“Yêu cầu về năng lực dạy học; Yêu cầu về năng lực giáo dục; Yêu cầu về phát triển nghề nghiệp”* [2]

Nhà trường chưa xác định một cách cụ thể và coi *“Trường thực hành sư phạm là một trong những điều kiện thiết yếu để đảm bảo chất lượng đào tạo GV. Cơ sở đào tạo GV phải có đủ trường thực hành sư phạm tương ứng với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng GV các cấp học”* [3]

Trong quá trình đào tạo GV, một bộ phận giảng viên giảng dạy các môn học chưa thể hiện tính “nghệ thuật sư phạm cao”, chưa quan tâm tạo điều kiện thuận lợi để SV được rèn luyện NVSP nhằm phát huy tính tích cực học tập, nghiên cứu và tự đào tạo để hình thành văn hóa giáo dục, văn hóa sư phạm; qua đó bồi dưỡng tình cảm, hứng thú nghề nghiệp cho SVSP. Do vậy, tất cả giảng viên cần phải quan tâm nhiều hơn nữa đến việc hình thành ở SVSP thái độ, tình cảm đúng đắn với nghề nghiệp; giảng viên cần tiếp cận nội dung dạy học theo hướng tích hợp...

3.2. Quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động thực tập sư phạm của sinh viên

Một bộ phận SVSP chưa nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng hoạt động TTSP trong quy trình đào tạo GV, đặc biệt trong giai đoạn đổi mới GD hiện nay;

Sự phối hợp giữa các đơn vị, khoa đào tạo chuyên môn trong nhà trường chưa phát huy tích chủ động, tích cực trong việc thiết kế, xây dựng nội dung chương trình và phối hợp trong công tác quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động TTSP.

Các khoa chuyên môn chưa chủ động, tích cực tham gia theo dõi, phối hợp giám sát trong hoạt động TTSP để hỗ trợ, điều chỉnh, bổ sung chuyên môn nghiệp vụ cho SVSP trong quá trình đào tạo...

Một bộ phận giảng viên bên cạnh việc trang bị về tri thức chuyên môn chưa chú trọng “đào tạo sư phạm” cho SVSP một cách có hiệu quả nhằm hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cần thiết của nhà giáo cho SVSP theo mục tiêu đào tạo.

Cơ sở vật chất của trường thực hành và một số cơ sở TTSP chưa đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi ngày càng cao để đáp ứng việc áp dụng khoa học kỹ thuật cũng như ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học... Trong quá trình dự giờ kiến tập, tham gia thực tập, SVSP còn rụt rè, nhút nhát thiếu tự tin khi trao đổi kinh nghiệm với giáo viên trực tiếp giảng dạy của trường thực hành...

TTSP không chỉ có tác dụng rèn luyện kỹ năng nghề, mà còn hình thành cho SVSP ý thức, thói quen và phương pháp “học tập suốt đời”, học trong thực

tế giáo dục, trong thực tiễn nghề nghiệp và học trong cuộc sống xã hội để không ngừng phát triển năng lực nghề nghiệp.

3.3. Nhận định, đánh giá chung

Trước những vấn đề mà thực tiễn yêu cầu đào tạo NVSP đang đặt ra hiện nay; chúng tôi cho rằng, việc đào tạo nghề cho SVSP cần phải có những đổi mới quan trọng để phát huy những mặt mạnh đã đạt được và cần phải điều chỉnh/bổ sung, nghiêm túc đánh giá những vấn đề còn hạn chế như: xác định trọng tâm mục tiêu, nội dung chương trình, thời lượng và quy trình đào tạo NVSP, sự khác biệt rất cơ bản đào tạo NVSP giữa các loại hình đào tạo GV các cấp/bậc học. Phải xác định đào tạo NVSP theo hướng phát triển năng lực là cốt lõi của việc “đào tạo nghề”

Nội dung đào tạo và tổ chức rèn luyện NVSP cần phải chú trọng những kỹ năng nghề nghiệp dạy học, giáo dục mang tính đặc thù, cần phải có sự đào tạo và rèn luyện chuyên biệt về NVSP ngay từ đầu đối với các ngành đào tạo. Mặt khác, người GV phải có những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp riêng biệt [7]. Do vậy, khối kiến thức và kỹ năng NVSP phải được trang bị một cách có hệ thống trong quá trình đào tạo thông qua môi trường thực hành sư phạm, rèn luyện NVSP phải chuyên sâu theo một quy trình khoa học để đảm bảo tính hiệu quả cao.

Hoạt động TTSP nhằm mục giúp SVSP vận dụng những hiểu biết về lý luận khoa học cơ bản, khoa học GD đã được học tập vào công tác nghiên cứu, giảng dạy và giáo dục HS. Rèn luyện

các kỹ năng cơ bản và những năng lực sư phạm cần thiết của người GV. Trên cơ sở đó cơ sở đào tạo GV kịp thời điều chỉnh/bổ sung các điều kiện thích ứng trong việc đào tạo NVSP. Sự phối hợp trong hệ thống quản lý tham gia công tác TTSP đều phải nêu cao tinh thần hợp tác, cộng đồng trách nhiệm sẽ tạo động lực thúc đẩy việc hoàn thành trách nhiệm một cách có hiệu quả. “Cơ sở đào tạo GV chủ động phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục địa phương để thực hiện trách nhiệm tổ chức, quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động của trường thực hành sư phạm” [3]

Đào tạo NVSP phải được coi trọng đúng mức để SVSP hình thành năng lực dạy học, giáo dục và phát triển nghề nghiệp của người GV trong tương lai. Do vậy, nhà trường cần thống nhất quan điểm chỉ đạo: Đào tạo NVSP là quá trình phải được diễn ra thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình đào tạo GV; tùy theo trình độ đào tạo, tính đặc thù chuyên ngành mà cơ sở đào tạo GV có cách thiết kế nội dung sao cho phù hợp/linh hoạt, thích ứng với chương trình đào tạo. Các hình thức hoạt động phải có mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất và biện chứng. Mỗi giai đoạn đều có một vị trí, vai trò nhất định nhưng có mối quan hệ mật thiết với nhau, hỗ trợ nhau trong quá trình đào tạo NVSP cho SVSP.

4. Đề xuất biện pháp đổi mới đào tạo NVSP theo hướng phát triển năng lực sư phạm trong qui trình đào tạo giáo viên ở Trường đại học Phú Yên

- **Thứ nhất**, nâng cao hơn nhận thức về tầm quan trọng của công tác đào

tạo NVSP đối với giảng viên; đặc biệt là SVSP trong quy trình đào tạo GV, SVSP luôn tự hoàn thiện và nâng cao năng lực chuyên môn, NVSP và các năng lực theo những yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp để có thể đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng GD trong giai đoạn mới. Đào tạo NVSP, phải được coi là trách nhiệm chung của tất cả các giảng viên; từ đó tạo sức mạnh tổng hợp trong công tác đào tạo GV;

- **Thứ hai**, cấp thiết đổi mới mạnh mẽ phương thức đào tạo NVSP đảm bảo được những kỹ năng nghiệp vụ cơ bản cho SVSP; chú trọng đào tạo năng lực theo hướng phát triển năng lực sư phạm; GV giảng dạy theo hướng tích hợp và giáo dục HS toàn diện; đổi mới, nâng cao chất lượng các “Hội thi NVSP” ở cấp khoa, cấp trường theo hướng phát triển năng lực sư phạm; tổ chức các hội nghị giữa các trường sư phạm với các địa phương...

- **Thứ ba**, thiết kế và xây dựng nội dung chương trình, quy trình kế hoạch đào tạo NVSP khoa học; chú trọng định hướng phát triển năng lực sư phạm và nghề nghiệp; tăng cường thực hành, hoạt động thực tiễn ở phổ thông, (nội dung chương trình NVSP phải chiếm ít nhất 25% tổng số tín chỉ thời lượng của chương trình đào tạo GV, trong đó tối thiểu là 50% dành cho thực hành, thực tập; đảm bảo 100% thời lượng thực hành, TTSP tại trường phổ thông; (phù hợp với đặc trưng đào tạo GV theo các cấp/bậc, ngành học)

- **Thứ tư**, cấp thiết lập đầu tư trang bị các điều kiện để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo NVSP; xây

dựng các phòng thực hành sư phạm đủ điều kiện, đảm bảo các tiêu chuẩn để phục vụ có hiệu quả hoạt động đào tạo và rèn luyện NVSP; xây dựng mạng lưới các trường thực hành sư phạm; có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với hệ thống trường phổ thông, mầm non; coi đó là cơ sở thực hành nghề nghiệp chủ yếu của SVSP.

- **Thứ năm**, thành lập bộ phận chuyên trách quản lý, tổ chức NVSP biên chế chuyên nghiệp độc lập để theo dõi, giám sát, tổ chức và đánh giá hoạt động đào tạo NVSP (như Trung tâm/Phòng quản lý, phát triển NVSP); trong công tác tuyển sinh lĩnh vực sư phạm cần có sự tuyển chọn đảm bảo các tiêu chí đặc trưng về sư phạm học, các năng khiếu cơ bản...

5. Kết luận

Trước những yêu cầu đổi mới của giáo dục và đào tạo, đào tạo NVSP phải được xem là một lĩnh vực quan trọng, cơ bản trong quy trình đào tạo GV và là một hoạt động đặc trưng nghề nghiệp, có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành các phẩm chất và năng lực sư phạm của người thầy giáo tương lai. Tổ chức tốt đào tạo NVSP các cơ sở đào tạo GV mới thực hiện được nhiệm vụ dạy nghề cho SVSP.

“Không có trình độ khoa học thì không thể trở thành một người thầy giỏi, có kiến thức chuyên môn giỏi mà thiếu hiểu biết hoặc yếu về nghiệp vụ sư phạm thì sinh viên sẽ bị khiếm khuyết

phần nửa về phẩm chất nghề nghiệp của mình...” [6, tr.151]

Xã hội hiện đại đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với con người, yêu cầu phát triển chuyên môn liên tục của người GV là yêu cầu khách quan tất yếu. Do vậy, đối với SVSP một trong những nội dung cơ bản phát triển năng lực để thích ứng nghề nghiệp chính là sự phát triển với yêu cầu phát triển chuyên môn liên tục của người GV. Mặt khác, đào tạo GV trong giai đoạn hiện nay cần phải được quan tâm, gắn kết song song với nhiệm vụ xây dựng chương trình giáo dục phổ thông mới. Trong đào tạo, chương trình là quyết định đến việc hình thành năng lực cơ bản, nền tảng cho người GV tương lai.

Để nâng cao chất lượng đào tạo GV, cần có nhiều yếu tố đồng bộ, song trước hết cần nhận thức rằng: ***Phải đổi mới mạnh mẽ công tác đào tạo NVSP, hướng tới mục tiêu phát triển năng lực sư phạm.*** Đây là yếu tố quan trọng, là đặc trưng cơ bản của quy trình đào tạo GV. Phải xác định, năng lực sư phạm của mỗi SVSP có được chính là do kết quả của sự học tập, rèn luyện NVSP mà nên. Do vậy, phải cấp thiết đổi mới và đặc biệt chú trọng đào tạo NVSP theo định hướng phát triển năng lực sư phạm là nét đặc thù, là hoạt động cơ bản trong công tác đào tạo GV nhằm đáp ứng nhu cầu “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Quyết định số 6290/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 12 năm 2011 v/v ban hành Chương trình phát triển ngành sư phạm và các trường sư phạm từ năm 2011 đến năm 2020*, Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Dự thảo Quy chế đào tạo nghiệp vụ sư phạm trong hoạt động đào tạo giáo viên phổ thông*, Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động trường thực hành sư phạm*, Hà Nội.
- [4] Chính phủ (2012), *Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012 v/v ban hành Chiến lược Phát triển Giáo dục 2011-2020*, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI*, Hà Nội.
- [6] Trường ĐH Sư phạm Tp. HCM, Trung Tâm Phát triển nghiệp vụ sư phạm thuộc Viện Nghiên Cứu Giáo Dục (2008), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Công tác thực tập sư phạm ở các trường sư phạm”*, TP. Hồ Chí Minh.
- [7] Trường Đại học Vinh (2008), *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia “Nâng cao chất lượng rèn luyện NVSP cho SV sư phạm các trường cao đẳng và đại học”*, Nghệ An.

Abstract

Training pedagogical professional skills in accordance with developing pedagogical competence to meet the requirements of fundamental and all round renovation of education and training at Phu Yen University

Training pedagogical professional skills in accordance with developing pedagogical competence is a basic activity in the process of teacher training. It plays an important role and is very meaningful in forming the qualities and professional competences of a future teacher.

According to the trend of competence training approach, the activities concerning practising to build up the teaching and educating competence must focus on training pedagogical professional skills to help students form the competence of teaching, education and vocational development. Only when teacher training institutions are able to organize well the activities of training pedagogical professional skills, can they fulfill their training missions for pedagogical students.

Key words: *pedagogical professional skills, pedagogical practicum, developing pedagogical competence*